

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG QUỐC TẾ

**BÁO CÁO KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA
SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẠC ĐẠI HỌC 2025**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO SÁT VÀ VIẾT BÁO CÁO:

TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐHQGHN

Chịu trách nhiệm dữ liệu: Phòng Đào tạo

Hà Nội, tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẢO SÁT	2
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG.....	2
1.1. Mục đích khảo sát	2
1.2. Nội dung khảo sát.....	2
1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát	3
1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát	3
PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI	5
2.1. Tình trạng việc làm hiện tại	5
2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc.....	7
2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp.....	10
2.4. Thống kê tỷ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.....	10
2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng	11
2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm.....	13
2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc.....	15
2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường.....	17
PHỤ LỤC.....	20
Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát	20

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	CTSV	Công tác sinh viên
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
4	KDQT	Kinh doanh quốc tế
5	KT, PT&KT	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
6	MKT	Marketing (Song bằng)
7	MNCs	Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài
8	PTDLKD	Phân tích dữ liệu kinh doanh
9	QL	Quản lý (Song bằng)
10	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
11	THKMT	Tin học và Kỹ thuật máy tính

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên	Trang
1	Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2025	5
2	Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng	12
3	Bảng 1.3: Thống kê mức lương trung bình sau tốt nghiệp của các CTĐT	14
4	Biểu đồ 1: Biểu đồ so sánh tỷ lệ SVTN có việc làm của 2 năm 2024 và 2025	6
5	Biểu đồ 2: Tình trạng việc làm của SVTN theo chương trình đào tạo năm 2025	7
6	Biểu đồ 3: Biểu đồ so sánh khu vực làm việc của SVTN trong 2 năm 2024 và 2025	8
7	Biểu đồ 4: Khu vực việc làm SVTN	9
8	Biểu đồ 5: Lĩnh vực nghề nghiệp của SVTN	10
9	Biểu đồ 6: Tỷ lệ làm đúng/khác ngành đào tạo của SVTN có việc làm	11
10	Biểu đồ 7: Thời điểm SVTN có việc làm thống kê theo CTĐT	13
11	Biểu đồ 8: Thời điểm SVTN có việc làm	13
12	Biểu đồ 9: Mức lương trung bình sau tốt nghiệp của các CTĐT	15
13	Biểu đồ 10: Mức độ đáp ứng kiến thức và kỹ năng đối với yêu cầu công việc	16

TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Số lượng sinh viên tham gia khảo sát: **555/771** SVTN đạt **71,9%**.
- Số SVTN đã có việc làm và đang học nâng cao là **513/555** chiếm **92,4%**.
- Số SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo là **80,4%** và không liên quan đến ngành đào tạo là **19,5%**.
- Trong số sinh viên đã có việc làm, **54,7 %** có việc làm từ trước khi tốt nghiệp.
- Có **69,5%** SVTN làm việc trong lĩnh vực Tư nhân và **21,5%** làm việc trong các MNCs (*Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài*).
- Mức lương trung bình của SVTN là **12.279.691đ/ tháng**.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát tình trạng việc làm của SVTN tốt nghiệp trong năm 2025 bậc đại học của Trường Quốc tế - ĐHQGHN được thực hiện với mục đích thu thập thông tin về tình trạng việc làm, khả năng đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng, góp ý kiến về nội dung chương trình học, kiến thức, kỹ năng từ đó giúp Trường Quốc tế điều chỉnh để hoàn thiện chương trình đào tạo, đổi mới dịch vụ sinh viên, hoạt động cựu sinh viên đồng thời tạo kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nơi SVTN đang làm việc.

1.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát bao gồm các mục sau:

- Tình hình việc làm hiện tại (có việc làm, đang đi học, chưa có việc làm)
- Lý do chưa có việc làm
- Khu vực việc làm
- Lĩnh vực công tác
- Thời điểm có việc làm (đầu tiên)
- Vị trí công việc (hiện tại)
- Mức thu nhập hiện tại hàng tháng
- Công việc hiện tại đúng hay trái chuyên ngành đào tạo
- Mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng mà cựu SVTN được đào tạo trong chương trình đã học so với yêu cầu công việc hiện tại (nếu đã có việc làm) và kỳ vọng (nếu chưa có việc làm)
- Góp ý của cựu SVTN đối với dịch vụ/kiến thức/kỹ năng Trường Quốc tế cần bổ sung để tăng cơ hội việc làm và khả năng thích ứng với công việc cho SVTN
- Cung cấp thông tin chi tiết về nơi làm việc hiện tại (không bắt buộc)

- Cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo (nếu đang học nâng cao)
- Khảo sát hoạt động phát triển mạng lưới cựu sinh viên mà SVTN quan tâm (alumni café, tư vấn hướng nghiệp, kết nối DN, mentoring, hội thảo chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm,...)

1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát

- Đối tượng khảo sát: SVTN Trường Quốc tế - ĐHQGHN khóa tốt nghiệp đợt tháng 7, 9/2024 và tháng 3/2025¹, tương ứng thời gian khảo sát sau TN từ 6 tháng đến 15 tháng.
- Mẫu khảo sát: Khảo sát được thực hiện với **771 SVTN**
- Phương pháp khảo sát: Cuộc khảo sát được thực hiện bằng phương pháp lấy ý kiến trực tuyến thông qua mạng, gửi đường link phiếu khảo sát và gọi điện trực tiếp được gửi đến từng SVTN Trường Quốc tế - ĐHQGHN.

Các hạng mục công việc cụ thể thực hiện được mô tả trong bảng sau đây:

Bước	Công việc
Bước 1	Tiếp nhận công văn, xin ý kiến BGH để triển khai
Bước 2	Tập hợp cơ sở dữ liệu cựu SVTN (họ tên, email v.v.)
Bước 3	Rà soát yêu cầu theo công văn của ĐHQGHN về khảo sát việc làm, căn cứ nhu cầu của Trường, Phòng Đào tạo (Bộ phận CTSV) tiến hành xây dựng mục tiêu khảo sát, xây dựng bảng hỏi trên Google form.
Bước 4	Phòng Đào tạo (Bộ phận CTSV) tiến hành mở khảo sát, gửi email mời SVTN tham gia khảo sát và theo dõi kết quả thực hiện. Đối với các SVTN chưa thực hiện khảo sát, Trường Quốc tế tiến hành gửi email nhắc nhở (06 lần), nhắn tin SMS, nhắn tin zalo, thông qua cán bộ lớp gửi trực tiếp cho từng người bằng messenger facebook, gọi điện thoại nhắc nhở v.v...
Bước 5	Kết thúc khảo sát đợt khảo sát, Trường Quốc tế tiến hành: - Tổng hợp và chuẩn hóa bộ dữ liệu (loại bỏ dữ liệu trùng) - Phân tích số liệu và viết báo cáo - Căn cứ trên phân tích số liệu và báo cáo, Phòng Đào tạo (Bộ phận CTSV) gửi các đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị

1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát

Báo cáo khảo sát tập trung cho 7 chương trình đào tạo chính quy do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp trong năm 2025. Các chương trình cử nhân khác do ĐHQGHN cấp bằng chưa có sinh viên tốt nghiệp. Kết quả sơ bộ về khảo sát như sau:

-
- Số lượng cựu SVTN dự kiến tham gia khảo sát: **771 cựu SVTN**
 - Số lượng bảng hỏi được gửi đi: **771**
 - Tổng số lượt nhắc nhở: **06 lần**
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc khảo sát: 08:00 ngày 13/10/2025 - 14:30 ngày 28/10/2025.
 - Tính đến thời điểm kết thúc có tổng số **555/771 SVTN tham gia khảo sát, đạt 71,9%**, trong đó:
 - + Ngành KDQT: 205/304 SVTN tham gia khảo sát, đạt **67,4%**
 - + Ngành KT, PT&KT: 135/219 SVTN tham gia khảo sát, đạt **61,6%**
 - + Ngành HTTTQL có 77/107 SVTN tham gia khảo sát, đạt **72%**
 - + Ngành PTDLKD có 68/68 SVTN tham gia khảo sát, đạt **100%**
 - + Ngành THKTMT có 43/43 SVTN tham gia khảo sát, đạt **100%**
 - + Ngành MKT có 14/17 SVTN tham gia khảo sát, đạt **82,4%**
 - + Ngành QL có 13/13 SVTN tham gia khảo sát, đạt **100%**.
 - Số lượng kết quả hợp lệ (đã điền đầy đủ các thông tin trong bảng khảo sát): **555/771 cựu SVTN**.

PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI

2.1. Tình trạng việc làm hiện tại

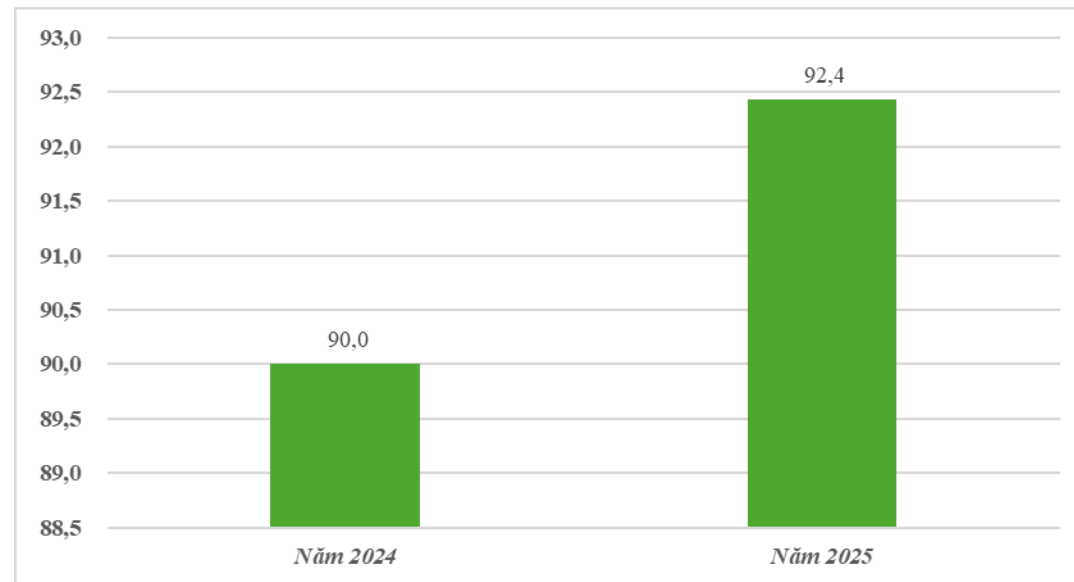
Về tình trạng việc làm hiện tại, có **502/555** SVTN tham gia khảo sát phản hồi đã có việc làm (chiếm **90,4%**); **11/555** SVTN đang học nâng cao (chiếm **1,98%**); **42/555** SVTN chưa có việc làm (chiếm **7,5%**). Như vậy, tổng số SVTN đã có việc làm và đang học nâng cao là **513/555** chiếm **92,4%**.

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(11)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	7340120	KDQT	304	232	205	158	42	109	28	5	21	87,3	58,9	10	118	1	50
2	7340303	KT, PT&KT	219	158	135	89	58	34	35	1	7	94,1	58,0	12	91	0	24
3	7340405	HTTTQL	107	76	77	55	25	37	10	3	2	93,5	67,3	11	51	2	8
4	7340125	PTDLKD	68	49	68	49	22	34	8	0	4	94,1	94,1	2	51	0	11
5	7480111	THKTMT	43	5	43	5	11	16	10	0	6	86,0	86,0	7	23	0	7
6	7340115	MKT	17	14	14	12	10	2	2	0	0	100,0	82,4	0	13	0	1
7	7340108	QL	13	5	13	10	4	0	5	2	2	69,2	69,2	0	2	0	7
TỔNG SỐ LƯỢNG			771	539	555	378	172	232	98	11	42	-	-	42	349	3	108
TỶ LỆ %			100	69,9	72,0	68,1	34,3	46,2	19,5	2,0	7,6	92,4	66,5	8,4	69,5	0,6	21,5

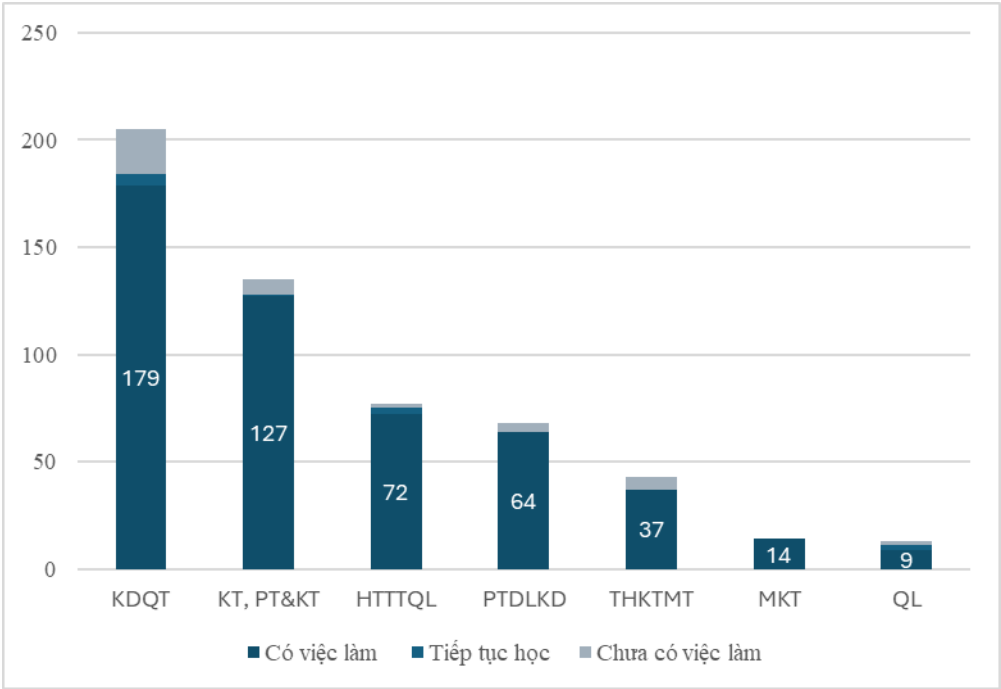
Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2025

Dưới đây là biểu đồ thống kê tình trạng việc làm của SVTN cho từng chương trình đào tạo và tổng các chương trình theo đơn vị tính là số lượng sinh viên. So với Báo cáo 2024 (nguồn: <https://www.is.vnu.edu.vn/bao-cai-khao-sat-tinh-trang-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep>)

[nghiep-bac-dai-hoc-nam-2024/](#), tháng 11/2024), tỷ lệ có việc làm và học tiếp tăng từ 90,0 % lên 92,4 % (tính trên người trả lời). Đây là một con số rất khả quan, bởi số SVTN năm 2025 (771 sinh viên) lớn hơn rất nhiều so với số lượng SVTN 2024 (556 sinh viên).

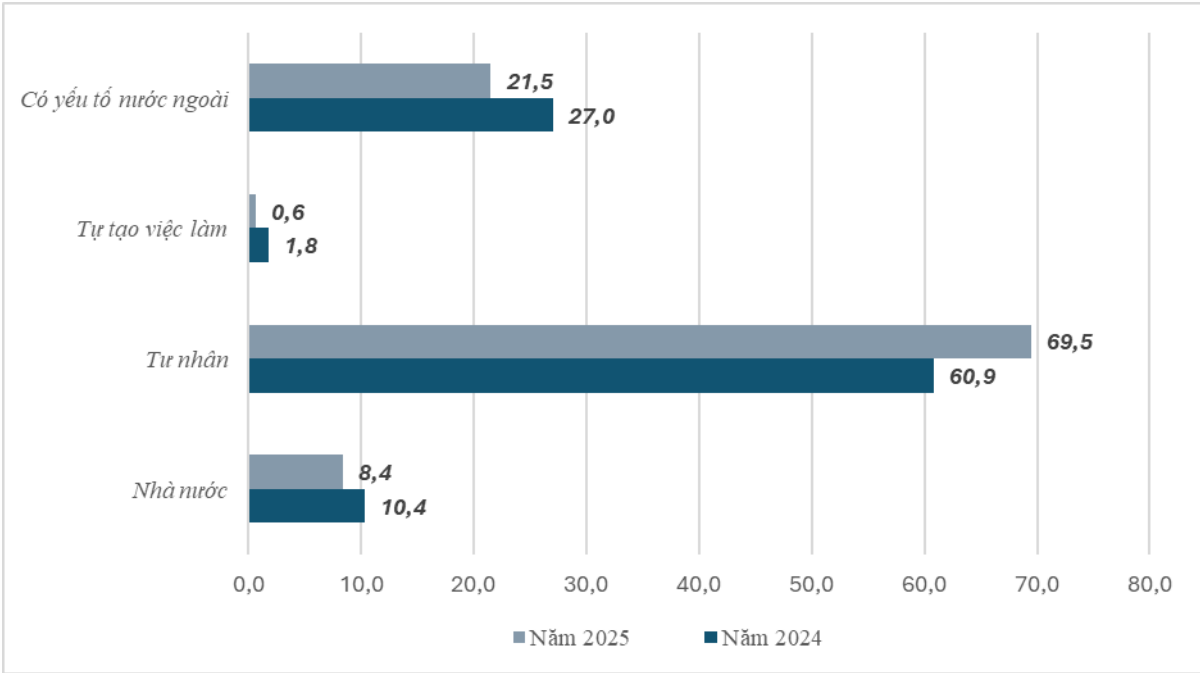


Biểu đồ 1: Biểu đồ so sánh tỷ lệ SVTN có việc làm của 2 năm 2024 và 2025 (Đơn vị: %)

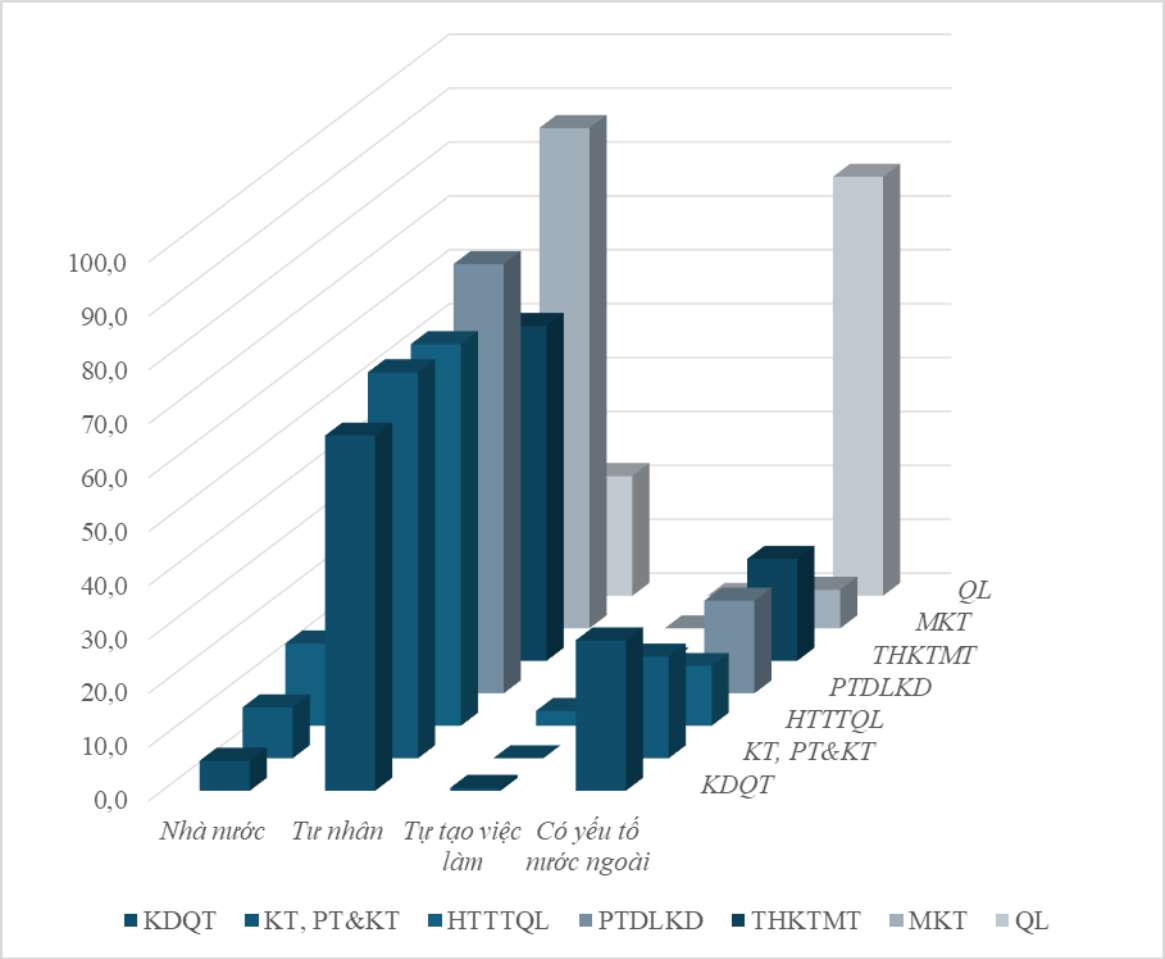


Biểu đồ 2: Tình trạng việc làm của SVTN theo chương trình đào tạo năm 2025 (Đơn vị: SVTN)

2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc
Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ SVTN (đã có việc làm) chủ yếu đang làm việc trong khu vực “Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần và TNHH” (69,5%) và khu vực “Tổ chức nước ngoài, liên doanh” (21,5%), 9% SVTN đang công tác tại các cơ quan nhà nước và tự tạo việc làm. So sánh với năm 2024, số lượng SVTN làm việc trong các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài giảm nhẹ (năm 2024 là 27%).

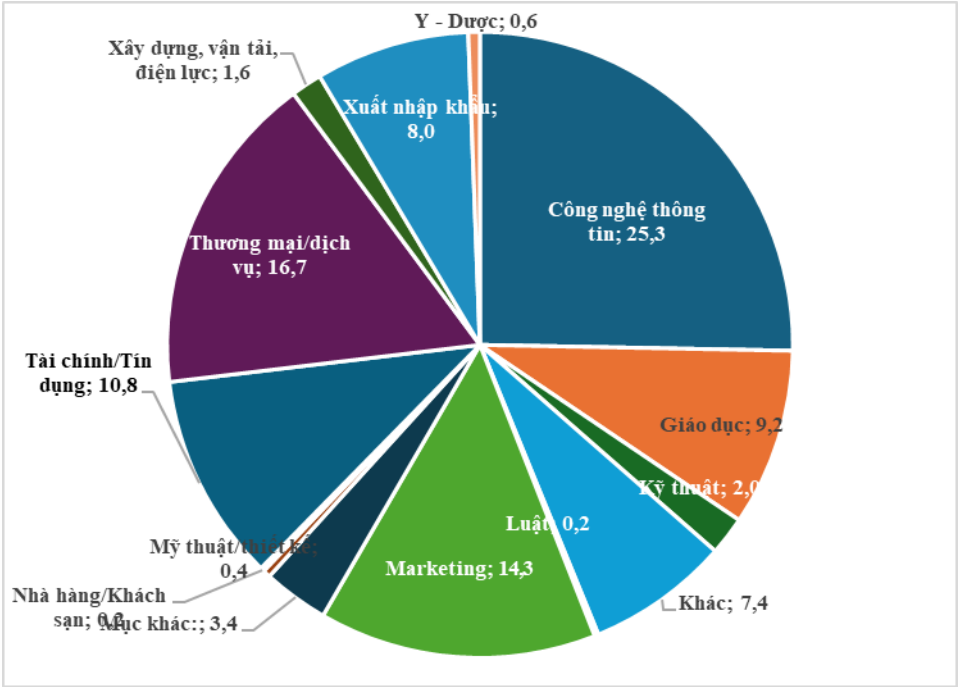


Biểu đồ 3: Biểu đồ so sánh khu vực làm việc của SVTN trong 2 năm 2024 và 2025 (Đơn vị: %)



Biểu đồ 4: Khu vực việc làm SVTN (Đơn vị: %)

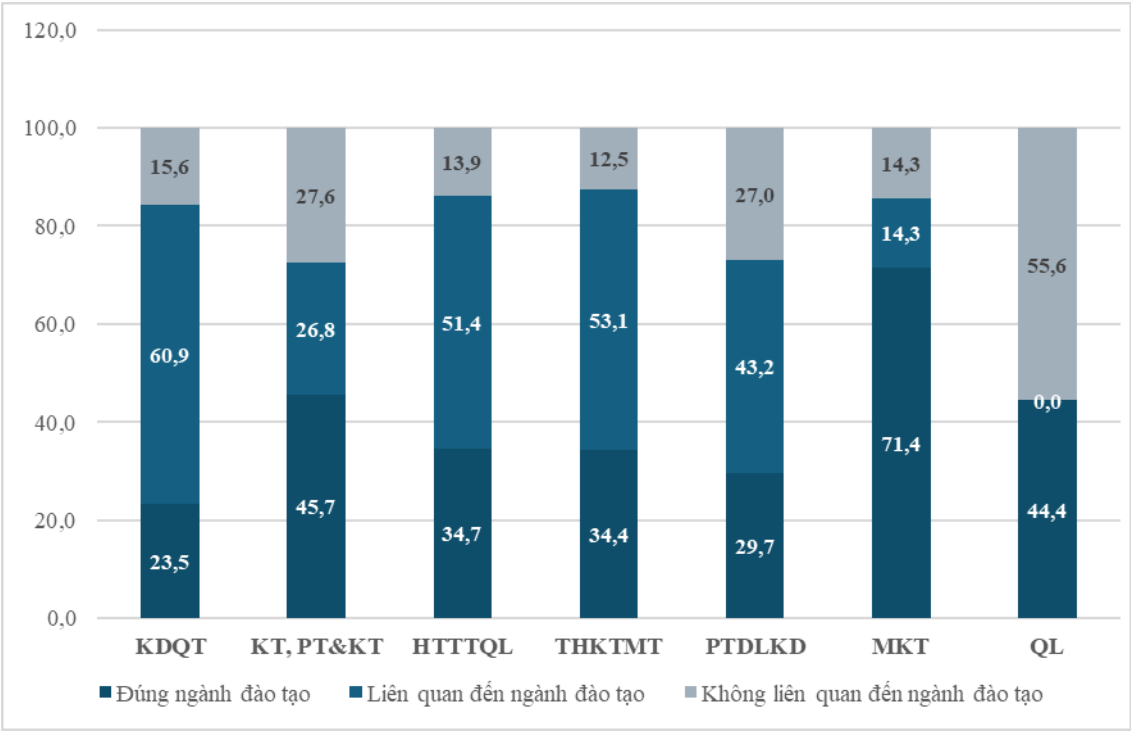
2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp
Năm 2025, SVTN Trường Quốc tế chủ yếu tập trung làm việc trong lĩnh vực “Công nghệ thông tin” (25,3%); “Thương mại - Dịch vụ” (16,7%); “Marketing” (14,3%); “Tài chính/Tín dụng” (10,8%); số còn lại chia đều trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kỹ thuật, giáo dục và các lĩnh vực khác.



Biểu đồ 5: Lĩnh vực nghề nghiệp của SVTN (Đơn vị: %)

2.4. Thống kê tỷ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo
Theo kết quả phản hồi, SVTN của Trường Quốc tế có tỷ lệ việc làm đúng chuyên ngành đào tạo hoặc có sự liên quan tới chuyên ngành đào tạo khá cao, chiếm 80,5%, chỉ có 19,5% khác ngành đào tạo. Tuy nhiên con số này cũng thấp hơn so với 2024 là 83,3%. Tỷ lệ

sinh viên HTTTQL làm đúng ngành là 86,1%, THKTMT là 87,5%, MKT là 85,7%, KDQT là 84,4%, các ngành còn lại có tỷ lệ sinh viên làm việc liên quan tới ngành đào tạo trên 70%.



Biểu đồ 6: Tỷ lệ làm đúng/khác ngành đào tạo của SVTN có việc làm (Đơn vị: %)

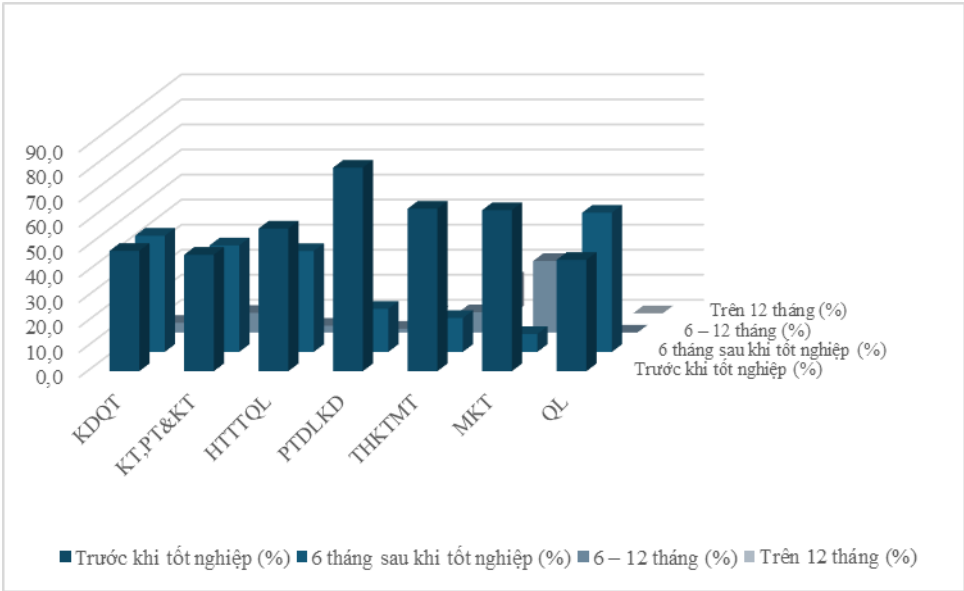
2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng

Năm 2025, SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao (54,8%) và cao hơn so với năm 2024 (45,2%). Tỷ lệ SVTN có việc làm 6 tháng và từ 6-12 tháng sau khi tốt nghiệp (42,8%) và chỉ có 1 số lượng rất ít sinh viên có việc làm sau 12 tháng (2,4%).

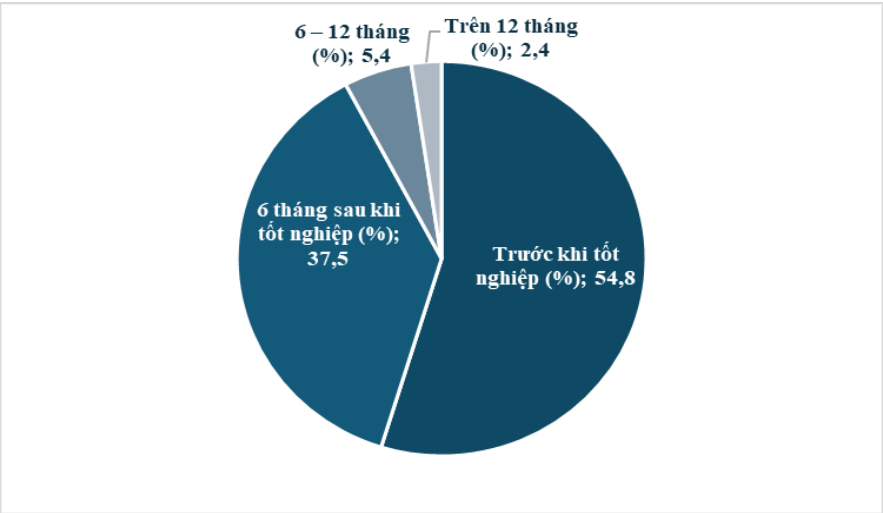
TT	Ngành đào tạo (mã số/thí điểm)	Thời điểm có việc làm so với thời điểm tốt nghiệp				Vị trí việc làm hiện tại				
		Trước khi tốt nghiệp (%)	6 tháng sau khi tốt nghiệp (%)	6 – 12 tháng (%)	Trên 12 tháng (%)	Nhân viên (%)	Trưởng nhóm (%)	Quản lý bậc trung (%)	Quản lý bậc cao (%)	Vị trí khác (%)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1	KDQT	48,0	46,4	3,9	1,7	91,6	5,6	1,1	0,6	1,1
2	KT,PT&KT	46,5	42,5	7,9	3,1	91,3	0,8	2,4	1,6	3,9
3	HTTTQL	56,9	40,3	2,8	0,0	91,7	0,0	2,8	0,0	5,6
4	PTDLKD	81,3	17,2	1,6	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0
5	THKTMT	64,9	13,5	8,1	13,5	78,4	13,5	0,0	0,0	8,1
6	MKT	64,3	7,1	28,6	0,0	71,4	0,0	14,3	0,0	14,3
7	QL	44,4	55,6	0,0	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0
TỔNG CỘNG		54,8	37,5	5,4	2,4	91,2	3,2	1,8	0,6	3,2

Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng

Về vị trí việc làm, chủ yếu SVTN hiện vẫn đang giữ chức vụ “Nhân viên” (91,2%); Trưởng nhóm (3,2%), Quản lý bậc trung (1,8%), Quản lý bậc cao (0,6%).



Biểu đồ 7: Thời điểm SVTN có việc làm thống kê theo CTĐT (Đơn vị: %)

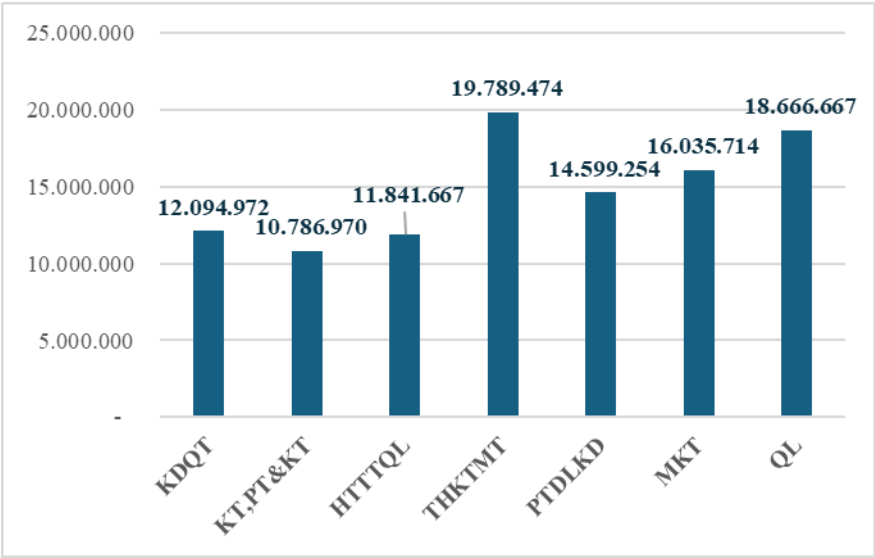


Biểu đồ 8: Thời điểm SVTN có việc làm (Đơn vị: %)

2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm

Mức lương trung bình/tháng của SVTN năm 2025 là 12.279.691đ/ tháng, thấp hơn mức lương năm 2024 là 13.064.394đ/tháng, chia đều cho 07 ngành KDQT; KT, PT&KT; HTTTQL, THKTMT, PTDLKD.

Xếp đầu bảng là mức lương của ngành THKTMT với mức lương trung bình là 19.789.474đ/ tháng, tiếp theo đó là sinh viên ngành Quản lý (Song bằng) 18.666.667đ/ tháng; SV ngành MKT (Song bằng) có mức lương 16.035.714đ/ tháng; ngành PTDLKD có mức lương trung bình là 14.599.254đ/ tháng.



Biểu đồ 9: Mức lương trung bình sau tốt nghiệp của các CTĐT (đvt: VNĐ)

Bảng thống kê mức lương theo ngành với các mức trung bình, cao nhất, thấp nhất và độ lệch chuẩn:

(đvt: VNĐ/tháng)

Ngành	Lương trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Độ lệch chuẩn
Kinh doanh quốc tế	12.094.972	35.000.000	7.000.000	4.874.484
Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	10.786.970	27.000.000	4.000.000	3.663.407
Hệ thống thông tin quản lý	11.841.667	30.000.000	5.000.000	4.498.130
Phân tích dữ liệu kinh doanh	14.599.254	35.000.000	7.000.000	7.258.081
Tin học và Kỹ thuật máy tính	19.789.474	35.000.000	8.000.000	9.337.972
Marketing (Song bằng)	16.035.714	35.000.000	7.000.000	11.189.735
Quản lý (Song bằng)	18.666.667	30.000.000	12.000.000	8.587.782

Bảng 1.3: Thống kê mức lương trung bình sau tốt nghiệp của các CTĐT

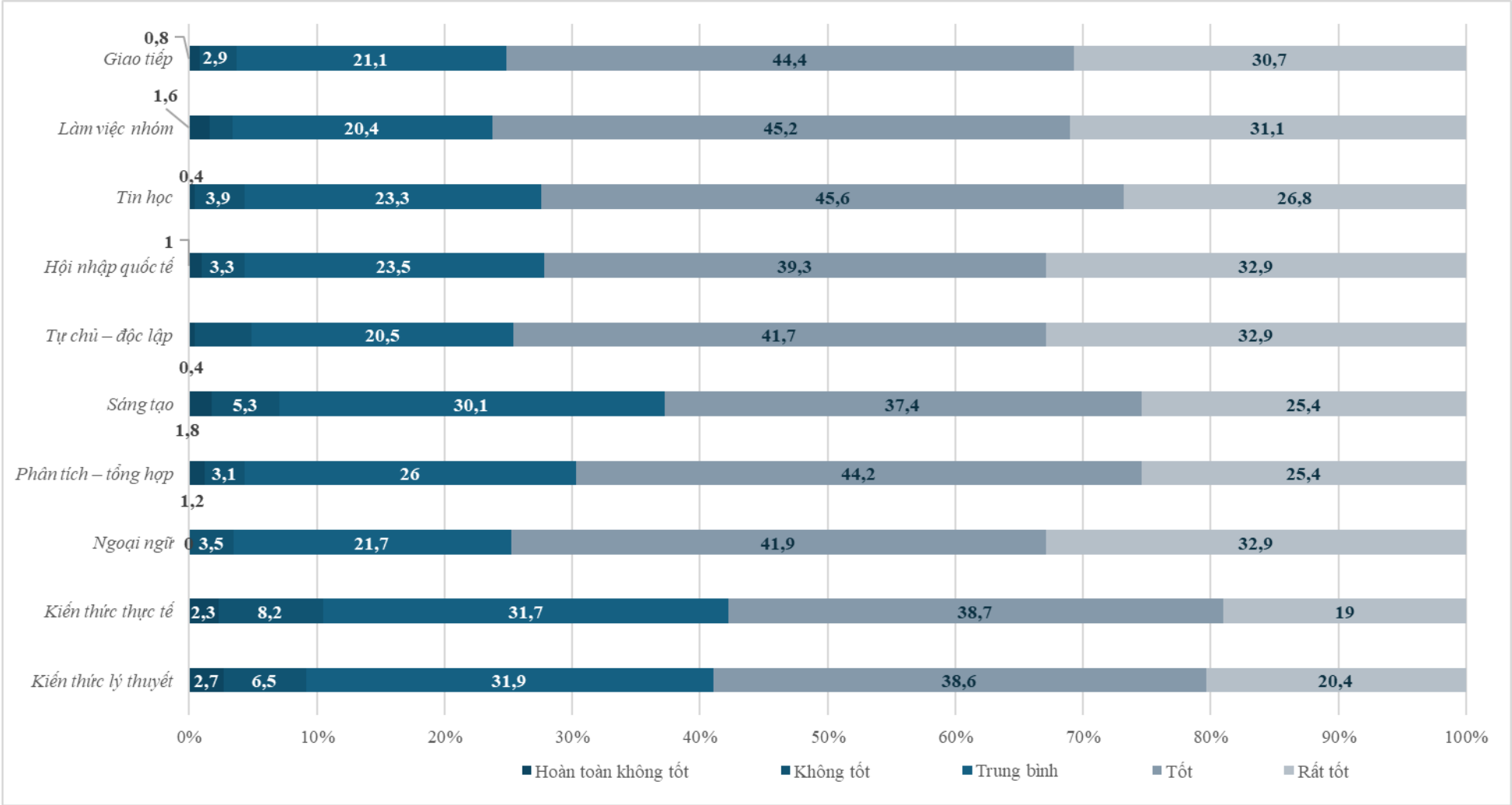
Bảng phân tích chi tiết trên thể hiện rõ mức độ phân tán của dữ liệu lương trong cùng một ngành, trong đó ngành Marketing có mức độ chênh lệch cao nhất, bởi ngành Marketing gồm nhiều mảng (*agency, client, freelancer*), chênh lệch kỹ năng và kinh nghiệm rất rõ. Dải lương rộng thứ hai là ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính, có thể lý giải do sự khác biệt giữa sinh viên mới ra trường và người làm trong mảng *dev, AI, data* có thu nhập cao. Ngành Kế toán, Phân tích và Kiểm toán có mức lương trung bình khá đồng đều, đây là ngành có độ ổn định về lương cao nhất, khung lương khá chuẩn hóa, ít chênh lệch giữa các vị trí cấp thấp và cao.

2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc

Số liệu báo cáo minh họa tại Biểu đồ 1.12 dưới đây về kiến thức, kỹ năng cho thấy tỷ lệ “Tốt” + “Rất tốt” đều trên 60% ở hầu hết kỹ năng, đặc biệt cao ở Kỹ năng tin học (72.4%), Làm việc nhóm (76.3%), Kỹ năng giao tiếp (75.1%), và Năng lực ngoại ngữ (74.8%).

Nhóm cần cải thiện tương đối gồm Kiến thức lý thuyết (59%) và Kiến thức thực tế (57.7%), cho thấy sinh viên đánh giá phần “ứng dụng thực tế” vẫn còn khoảng cần củng cố trong đào tạo.

Mức 1-2 (dưới “Bình thường”) chiếm rất thấp (<10%), thể hiện sinh viên nhìn chung đánh giá tốt khả năng đáp ứng của mình so với yêu cầu công việc.



Biểu đồ 10: Mức độ đáp ứng kiến thức và kỹ năng đối với yêu cầu công việc (Đơn vị: %)

2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

1. Tăng cường tính thực tiễn trong chương trình học

- Tần suất: Rất cao (xuất hiện trong >40% phản hồi).
- Ví dụ: “Học nhiều lý thuyết, cần thêm thực hành”, “Nên có dự án thực tế với doanh nghiệp”, “Cần học cách xử lý tình huống thật”.
- Phân tích: Phản ánh xu hướng sinh viên mong muốn được trải nghiệm thực tế sớm hơn, Nhà trường cần tăng tỉ *trọng learning by doing*, gắn kết với tình huống nghề nghiệp, dự án thực tập, và học phần “dự án doanh nghiệp”.

2. Tăng cơ hội kết nối doanh nghiệp, thực tập và việc làm

- Tần suất: Cao (~30%).
- Ví dụ: “Tổ chức thêm Job Fair”, “Cần nhiều đơn vị thực tập liên kết”, “Có kênh kết nối việc làm rõ ràng hơn”.
- Phân tích: Nhiều phản hồi mong muốn tăng cường liên hệ giữa sinh viên & nhà tuyển dụng, phản ánh nhu cầu nâng cao năng lực career services. Đây cũng là một trong những điểm mạnh Nhà trường nên phát huy (Job Link Week, Career Hub, CSDL Doanh nghiệp).

3. Cải thiện chất lượng giảng dạy và phương pháp của giảng viên (đặc biệt là GV nước ngoài)

- Tần suất: Khá cao (~25%).
- Ví dụ: “Một số giảng viên nước ngoài nói nhanh, khó hiểu”, “Cần tăng tương tác trong lớp”, “Giảng viên nên gắn lý thuyết với ví dụ thực tế”.
- Phân tích: Đề xuất hướng đến việc nâng cao năng lực sư phạm, chuẩn hóa nội dung song ngữ, đồng thời phát triển cơ chế đánh giá giảng viên dựa trên phản hồi học kỳ.

4. Nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp

- Tần suất: Trung bình (~20%).

- Ví dụ: “Cần có học phần về kỹ năng phỏng vấn, CV”, “Bổ sung khóa kỹ năng mềm cho sinh viên năm 3”, “Thêm hoạt động định hướng nghề nghiệp”.

- Phân tích: Nhóm góp ý này liên quan trực tiếp đến năng lực đầu ra của sinh viên. Nên được cụ thể hóa trong kế hoạch Career Sprint hoặc chuỗi kỹ năng nghề nghiệp do Bộ phận CTSV Phòng Đào tạo, mảng VNUIS Career Hub triển khai.

5. Cải thiện cơ sở vật chất, phòng học và trang thiết bị

- Tần suất: Trung bình (~15%).

- Ví dụ: “Phòng học có hệ thống điều hòa chưa ổn định”, “Máy chiếu mờ”, “Thiếu không gian học nhóm”.

- Phân tích: Đây là nhu cầu mang tính hạ tầng, đặc biệt trong bối cảnh mở rộng quy mô đào tạo. Các ý kiến tập trung vào nâng cấp thiết bị trình chiếu, bàn ghế, điều hòa, và hệ thống chiếu sáng.

6. Tăng cường hoạt động ngoại khóa, seminar, và tương tác sinh viên

- Tần suất: Trung bình (~10–12%).

- Ví dụ: “Có thêm CLB học thuật”, “Nhiều hội thảo nghề nghiệp hơn”, “Tổ chức hoạt động gắn kết sinh viên với alumni”.

- Phân tích: Phản ánh nhu cầu phát triển cộng đồng học tập năng động, tạo cơ hội học hỏi lẫn nhau giữa sinh viên - cựu sinh - doanh nghiệp.

7. Mở rộng cơ hội học tập quốc tế và hỗ trợ tiếng Anh học thuật

- Tần suất: Thấp đến trung bình (~8%).

- Ví dụ: “Tài liệu tiếng Anh hơi khó”, “Cần có trợ giảng song ngữ”, “Thêm lớp trao đổi quốc tế”.

- Phân tích: Liên quan đến yêu cầu hội nhập quốc tế, đòi hỏi chương trình cần tăng cường chuẩn bị kỹ năng ngoại ngữ học thuật và cơ hội trao đổi ngắn hạn.

8. Củng cố dịch vụ hỗ trợ sinh viên và truyền thông nội bộ

- Tần suất: Thấp (~5%).
- Ví dụ: “Thông báo học vụ chưa rõ ràng”, “Khó tìm thông tin trên website”, “Cần hướng dẫn cụ thể khi làm thủ tục thực tập”.
- Phân tích: Dù xuất hiện ít, đây là nhóm góp ý mang tính quản trị, cần cải thiện quy trình thông tin và trải nghiệm sinh viên trong hệ thống dịch vụ hỗ trợ.

PHỤ LỤC

Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát Phiếu khảo sát dành cho SVTN đã có việc làm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025

Thân gửi các anh/chị tân cử nhân,

Hàng năm Trường Quốc tế đều triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của nhà trường nói chung và của mỗi chương trình đào tạo nói riêng. Nhà trường cam kết chỉ sử dụng các câu trả lời, thông tin của khảo sát nhằm mục đích cải thiện chất lượng, môi trường đào tạo. Các thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!

Trân trọng cảm ơn!

THÔNG TIN CHUNG

Họ tên:Ngày sinh:Mã sinh viên:
Tên lớp:Ngành đào tạo:
Điện thoại:Email:

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

1. Tình hình việc làm hiện tại:

(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- ☐ Đã có việc làm
☐ Đã có việc làm và đang đi học

2. Khu vực việc làm thuộc:

(Chỉ chọn 1 khu vực)

- ☐ Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước
☐ Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH
☐ Tổ chức, liên doanh nước ngoài

☐ Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng

☐ Khác (nêu rõ):

3. Lĩnh vực công tác:

(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)

☐ Công nghệ thông tin

☐ Giáo dục

☐ Luật

☐ Kỹ thuật

☐ Marketing

☐ Mỹ thuật/thiết kế

☐ Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn

☐ Tài chính/Tín dụng

☐ Thương mại/dịch vụ

☐ Xây dựng, vận tải, điện lực

☐ Xuất nhập khẩu

4. Thời điểm có việc làm (đầu tiên):

(Chỉ chọn 1)

☐ Trước khi tốt nghiệp

☐ 06 tháng sau khi tốt nghiệp

☐ 06 tháng - 12 tháng sau khi tốt nghiệp

☐ Trên 12 tháng sau khi tốt nghiệp

5. Vị trí việc làm (hiện tại):

(Chỉ chọn 1)

☐ Nhân viên

☐ Trưởng nhóm

☐ Quản lý bậc trung

☐ Quản lý bậc cao

☐ Vị trí khác (nêu rõ):

6. Mức thu nhập trung bình hiện tại hàng tháng:

7. Anh/chị cho biết mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng được đào tạo tại Trường Quốc tế so với yêu cầu công việc thực tế hiện tại.

(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)

✓ Kiến thức lý thuyết đại cương và chuyên ngành 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực ngoại ngữ	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực phân tích, tổng hợp	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực sáng tạo	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng tin học	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng làm việc nhóm	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng giao tiếp	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐

8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Trường Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tọa đàm, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,...)

.....

9. Công việc của anh/chị:

(Chỉ chọn 1)

- ☐ Đúng chuyên ngành đào tạo
- ☐ Khác chuyên ngành đào tạo

10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- ☐ Alumni café
- ☐ Tư vấn tâm lý
- ☐ Kết nối DN
- ☐ Mentoring
- ☐ Hội thảo chuyên môn
- ☐ CLB thể thao
- ☐ Family BBQ
- ☐ Dã ngoại
- ☐ Đào tạo kỹ năng mềm
- ☐ Khác (nêu rõ):

11. Nếu đã có việc làm, anh/chị vui lòng cung cấp thông tin dưới đây để Trường Quốc tế tổ chức các hoạt động hỗ trợ phù hợp và cập nhật vào CSDL cựu sinh viên:

(Điền thông tin)

- ✓ Tên vị trí công việc:
- ✓ Tên Phòng/Ban chức năng:
- ✓ Tên tổ chức:
- ✓ Địa chỉ làm việc:
- ✓ Email cơ quan:

12. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Trường Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?

(Chỉ chọn 1)

- ☐ Có
- ☐ Không

Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi, may mắn và thành công!

Phiếu khảo sát dành cho SVTN chưa có việc làm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN
TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025**

Thân gửi các anh/chị tân cử nhân,

Theo Quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, hàng năm Trường Quốc tế triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của mỗi chương trình đào tạo. Nhà trường cam kết mọi câu trả lời, thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!

Trân trọng cảm ơn!

THÔNG TIN CHUNG

Họ tên: Ngày sinh: Mã sinh viên:

Tên lớp: Ngành đào tạo:

Điện thoại: Email:

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

1. Tình hình việc làm hiện tại:

(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)

☐ Chưa có việc làm

☐ Đang đi học

2. Lý do bạn chưa có việc làm

(Có thể chọn hơn 1 lý do)

☐ Chưa tìm được công việc phù hợp

☐ Mức lương chưa đáp ứng kỳ vọng

☐ Thiếu kỹ năng tìm kiếm và xin việc

☐ Kiến thức và kỹ năng chưa đáp ứng yêu cầu công việc đã ứng tuyển

- ☐ Lý do khác

3. Bạn mong muốn cơ hội việc làm thuộc khối:

(Có thể chọn hơn 1 khối)

- ☐ Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước
☐ Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH
☐ Tổ chức, liên doanh nước ngoài
☐ Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng
☐ Khác

4. Bạn mong muốn làm việc trong lĩnh vực:

(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)

- ☐ Công nghệ thông tin
☐ Giáo dục
☐ Luật
☐ Kỹ thuật
☐ Marketing
☐ Mỹ thuật/thiết kế
☐ Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn
☐ Tài chính/Tín dụng
☐ Thương mại/dịch vụ
☐ Xây dựng, vận tải, điện lực
☐ Xuất nhập khẩu

5. Bạn mong muốn làm ở vị trí việc làm:

(Chỉ chọn 1)

- ☐ Nhân viên
☐ Trưởng nhóm
☐ Quản lý bậc trung
☐ Quản lý bậc cao
☐ Vị trí khác (nêu rõ):

6. Mức thu nhập trung bình hàng tháng bạn kỳ vọng là:

7. Bạn đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng được đào tạo tại Trường Quốc tế so với yêu cầu của thị trường lao động

(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)

- ✓ Kiến thức lý thuyết đại cương và chuyên ngành 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực ngoại ngữ	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực phân tích, tổng hợp	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực sáng tạo	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng tin học	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng làm việc nhóm	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐
✓ Kỹ năng giao tiếp	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐

8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Trường Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tọa đàm, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,...)

.....

9. Bạn kì vọng công việc của mình:

(Chỉ chọn 1)

- ☐ Đúng chuyên ngành đào tạo
- ☐ Khác chuyên ngành đào tạo
- ☐ Cả hai đều được

10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- | | |
|--|--|
| ☐ Alumni café | ☐ Đào tạo kỹ năng mềm |
| ☐ Tư vấn tâm lý | ☐ Khác (nêu rõ): |
| ☐ Kết nối DN | |
| ☐ Mentoring | |
| ☐ Hội thảo chuyên môn | |
| ☐ CLB thể thao | |
| ☐ Family BBQ | |
| ☐ Dã ngoại | |

11. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Trường Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?

(Chỉ chọn 1)

- ☐ Có
- ☐ Không

Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi, may mắn và thành công!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Quốc tế - ĐHQGHN (2024), *Báo cáo khảo sát việc làm SVTN bậc đại học năm 2024*, Hà Nội, 11/2024.
2. Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH của Bộ GD&ĐT ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.